

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 3812100021 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã đi vào vận hành chính thức trong năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11878879/22988983/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		818.628.438.178	691.054.794.100
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	199.132.691.738	52.398.107.558
111	1. Tiền		50.832.691.738	12.398.107.558
112	2. Các khoản tương đương tiền		148.300.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		104.500.000.000	39.273.701.370
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	104.500.000.000	39.273.701.370
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		415.135.568.848	497.456.242.777
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	403.451.866.340	483.529.845.013
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.058.126.322	17.380.314.661
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.238.224.124	4.731.855.020
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(8.612.647.938)	(8.185.771.917)
140	IV. Hàng tồn kho	8	99.849.775.980	101.916.517.104
141	1. Hàng tồn kho		99.849.775.980	101.916.517.104
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.401.612	10.225.291
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.401.612	10.225.291
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.034.723.271.998	9.325.556.722.952
220	I. Tài sản cố định		8.839.733.995.208	9.135.766.296.110
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.839.733.995.208	9.135.766.296.110
222	Nguyên giá		12.218.057.261.077	12.215.507.307.794
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.378.323.265.869)	(3.079.741.011.684)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		183.035.059.597	175.777.359.685
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	183.035.059.597	175.777.359.685
260	III. Tài sản dài hạn khác		11.954.217.193	14.013.067.157
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.249.289.805	3.293.127.270
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.3	1.141.637.010	1.141.637.010
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.563.290.378	9.578.302.877
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.853.351.710.176	10.016.611.517.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.430.952.585.277	6.006.160.526.203
310	I. Nợ ngắn hạn		653.933.993.641	877.408.931.040
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	279.634.761.245	313.473.822.403
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.371.000.000	2.121.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	117.864.148.145	150.061.095.622
314	4. Phải trả người lao động		18.965.692.812	15.525.784.988
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	110.515.963.960	248.078.644.402
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		3.810.422.533	3.862.819.866
320	7. Vay ngắn hạn	17	114.441.320.186	142.358.739.858
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	6.330.684.760	1.927.023.901
330	II. Nợ dài hạn		4.777.018.591.636	5.128.751.595.163
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	201.734.197.176	201.734.197.176
338	2. Vay dài hạn	17	4.575.284.394.460	4.927.017.397.987
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.422.399.124.899	4.010.450.990.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	4.422.399.124.899	4.010.450.990.849
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.271.968.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.669.679.926.861	1.257.731.792.811
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		1.008.806.316.811	870.458.991.598
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		660.873.610.050	387.272.801.213
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.853.351.710.176	10.016.611.517.052

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

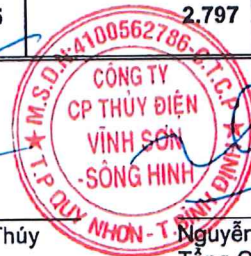
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.469.664.041.944	688.789.612.634
11	2. Giá vốn hàng bán	21	(499.743.057.156)	(290.756.333.400)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		969.920.984.788	398.033.279.234
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.577.897.922	2.801.874.996
22	5. Chi phí tài chính	22	(220.719.051.445)	(110.083.606.135)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(208.513.455.204)	(109.767.491.150)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(25.737.278.245)	(14.086.642.759)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		727.042.553.020	276.664.905.336
31	8. Thu nhập khác		-	45.454.545
32	9. Chi phí khác		(435.527.145)	(49.552.890)
40	10. Lỗ khác		(435.527.145)	(4.098.345)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		726.607.025.875	276.660.806.991
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(65.733.415.825)	(40.070.488.625)
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		660.873.610.050	236.590.318.366
61	14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		660.873.610.050	236.590.318.366
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	2.797	995
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	2.797	995

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

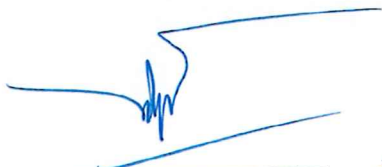
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		726.607.025.875	276.660.806.991
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	298.582.254.185	168.897.675.775
03	Các khoản dự phòng		426.876.021	-
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.707.214.607	(1.657.214.193)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.324.749.485)	(1.127.253.569)
06	Chi phí lãi vay	22	208.513.455.204	109.767.491.150
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.242.512.076.407	552.541.506.154
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		81.709.239.861	(273.840.768.419)
10	Giảm hàng tồn kho		2.081.753.623	155.715.675
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(38.371.625.702)	5.056.736.748
12	Giảm chi phí trả trước		2.043.837.465	584.073.099
14	Tiền lãi vay đã trả		(345.105.943.289)	(591.435.650)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(57.760.747.269)	(47.580.689.676)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(7.411.241.338)	(7.207.555.379)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		879.697.349.758	229.117.582.552
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(43.250.008.379)	(233.138.553.997)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(69.500.000.000)	(4.200.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.273.701.370	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		3.509.131.211	2.297.749.459
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(104.967.175.798)	(235.040.804.538)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17	-	299.939.500.000
36	Tiền trả nợ gốc vay	19.1	(391.754.343.780)	(294.108.491.314)
	Cổ tức đã trả		(236.241.246.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(627.995.589.780)	5.831.008.686
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		146.734.584.180	(92.213.300)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		52.398.107.558	15.112.617.117
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	199.132.691.738	15.020.403.817



Lê Thị Hải Yến
Người lập



Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH" hoặc "Công ty") và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 38121000021 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã đi vào vận hành chính thức trong năm 2021.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH ("Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH")

VSH sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 226 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 229).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ và dụng cụ, vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

► *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

► *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	4.111.188.936	407.728.444
Tiền gửi ngân hàng	46.721.502.802	11.990.379.114
Các khoản tương đương tiền (*)	148.300.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	199.132.691.738	52.398.107.558

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,0%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	402.833.931.621	482.861.910.294
Phải thu từ các khách hàng khác	617.934.719	667.934.719
TỔNG CỘNG	403.451.866.340	483.529.845.013

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	4.725.312.781	4.725.312.781
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	2.288.048.379	2.288.048.379
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Kon Tum	1.422.920.070	1.422.920.070
Khác	893.983.053	893.983.053
TỔNG CỘNG	7.727.862.039	8.050.050.378
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(8.612.647.938)	(8.185.771.917)
GIÁ TRỊ THUẦN	8.445.478.384	9.194.542.744

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu người lao động	1.920.445.000	2.548.480.170
Lãi tiền gửi	1.094.934.246	1.279.315.972
Khác	<u>222.844.878</u>	<u>904.058.878</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.238.224.124</u>	<u>4.731.855.020</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	<u>99.849.775.980</u>	<u>101.916.517.104</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	9.389.599.848.248	2.776.456.713.686	38.397.271.768	11.053.474.092	12.215.507.307.794
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (<i>Thuyết minh số 10</i>)	-	2.517.598.283	-	-	2.517.598.283
Mua trong kỳ	-	-	-	32.355.000	32.355.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	9.389.599.848.248	2.778.974.311.969	38.397.271.768	11.085.829.092	12.218.057.261.077
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	101.198.002.087	868.110.368.642	27.269.430.207	9.447.333.365	1.006.025.134.301
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.037.360.723.602	1.004.190.864.561	33.181.266.641	5.008.156.880	3.079.741.011.684
Khấu hao trong kỳ	245.458.379.704	52.062.077.619	851.428.831	210.368.031	298.582.254.185
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	2.282.819.103.306	1.056.252.942.180	34.032.695.472	5.218.524.911	3.378.323.265.869
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.352.239.124.646	1.772.265.849.125	5.216.005.127	6.045.317.212	9.135.766.296.110
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	7.106.780.744.942	1.722.721.369.789	4.364.576.296	5.867.304.181	8.839.733.995.208

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 125.225.859.504 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (*Thuyết minh số 17*).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành, với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 97.717.118.719 VND (*Thuyết minh số 17*).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 8.458.768.848.254 VND (*Thuyết minh số 17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (i)	98.308.623.045	98.308.623.045
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	74.894.802.156	74.131.385.802
Khác	9.831.634.396	3.337.350.838
TỔNG CỘNG	183.035.059.597	175.777.359.685

(i) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc lĩnh Bình Định và tỉnh Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 30MW. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW. Theo Quyết định số 1855/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3.

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	175.777.359.685	8.791.383.786.212
Xây dựng cơ bản	9.775.298.195	326.335.605.743
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 9)	(2.517.598.283)	(9.092.643.336.040)
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	113.277.152.182
Số cuối kỳ	183.035.059.597	138.353.208.097

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12. ĐÀU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản các tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,8%/năm - 5,8%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần của khoản tiền gửi ngân hàng này để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Đà 10	112.132.727.681	119.671.862.167
Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	84.420.271.971	84.420.271.971
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	20.130.089.866	24.130.089.866
Các nhà cung cấp khác	62.951.671.727	85.251.598.399
TỔNG CỘNG	<u>279.634.761.245</u>	<u>313.473.822.403</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.760.747.269	65.733.415.825	(57.760.747.269)	65.733.415.825
Phí dịch vụ môi trường rừng	25.084.470.816	42.386.434.308	(47.401.944.552)	20.068.960.572
Thuế giá trị gia tăng	39.828.199.079	137.802.068.824	(160.646.899.254)	16.983.368.649
Thuế tài nguyên	25.139.347.150	109.759.671.643	(120.609.375.732)	14.289.643.061
Thuế khác	2.248.331.308	10.552.398.490	(12.011.969.760)	788.760.038
TỔNG CỘNG	<u>150.061.095.622</u>	<u>366.233.989.090</u>	<u>(398.430.936.567)</u>	<u>117.864.148.145</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí lãi vay	110.461.473.160	248.024.153.602
Khác	54.490.800	54.490.800
TỔNG CỘNG	<u>110.515.963.960</u>	<u>248.078.644.402</u>

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Nhóm Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ngắn hạn	142.358.739.858	(82.707.343.780)	52.531.929.746	2.257.994.362	-	114.441.320.186
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.1)	81.358.739.858	(41.707.343.780)	44.531.929.746	2.257.994.362	-	86.441.320.186
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	28.000.000.000	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Vay bên liên quan	33.000.000.000	(33.000.000.000)	-	-	-	-
Dài hạn	4.927.017.397.987	(309.047.000.000)	(52.531.929.746)	9.449.220.245	396.705.974	4.575.284.394.460
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	4.306.805.152.361	(309.047.000.000)	(44.531.929.746)	9.449.220.245	-	3.962.675.442.860
Trái phiếu (Thuyết minh số 17.2)	620.212.245.626	-	(8.000.000.000)	-	396.705.974	612.608.951.600
TỔNG CỘNG	5.069.376.137.845	(391.754.343.780)	-	11.707.214.607	396.705.974	4.689.725.714.646

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Hợp đồng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)	734.929.914.217	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	9,1
	494.882.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8,6
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)	639.010.146.384	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	9
	358.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2027 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8,5
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai (i)	363.753.562.524	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	9
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Hiệp Phú (i)	436.988.149.186	Số 04/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,8
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Bình Định (i)	404.083.500.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,8

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)	Nguyên tệ (USD)			
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	518.492.988.225	22.148.355	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV - Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ (iii)	98.747.504.510	4.272.934	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2022 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 125.225.859.504 VND (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	4.049.116.763.046	26.421.289			
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	86.441.320.186				
Vay dài hạn	3.962.675.442.860				

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Nhóm Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, ACB - Chi nhánh Bình Định, HDBank - Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV - Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.
- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Nhóm Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Nhóm Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Nhóm Công ty đã nhận bàn giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày như sau:

	<i>Giá trị</i>
	VND
VSH_BOND_2019 (<i>Thuyết minh số 26</i>)	644.000.000.000
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.162.835.238
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.553.883.638)
TỔNG CỘNG	<u>640.608.951.600</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>28.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>612.608.951.600</i>

Nhóm Công ty đã phát hành các trái phiếu không chuyển đổi nêu trên với mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn (*Thuyết minh số 9*).

Nhóm Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành;
- 24% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành;
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bảy mươi hai (72) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn tám mươi bốn (84) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Các trái phiếu nêu trên đã được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh thu xếp phát hành.

18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Cho kỳ kế toán</i>	VND
	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>năm 2022</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
		<i>năm 2021</i>
Số đầu kỳ	1.927.023.901	6.537.641.512
Trích từ lợi nhuận sau thuế	11.748.630.000	6.122.140.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(7.411.241.338)	(7.207.555.379)
Các nguồn khác	66.272.197	273.368.930
Số cuối kỳ	<u>6.330.684.760</u>	<u>5.725.595.063</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	877.477.131.598	3.330.256.829.636
Tăng vốn	300.000.000.000	(60.500.000)	-	-	-	299.939.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	236.590.318.366	236.590.318.366
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.322.140.000)	(5.322.140.000)
Thủ lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Khác	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.362.412.460.000</u>	<u>6.271.968.038</u>	<u>356.373.490.000</u>	<u>27.661.280.000</u>	<u>1.107.049.309.964</u>	<u>3.859.768.508.002</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.257.731.792.811	4.010.450.990.849
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	660.873.610.050	660.873.610.050
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(11.748.630.000)	(11.748.630.000)
Thủ lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(935.600.000)	(935.600.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(236.241.246.000)	(236.241.246.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>2.362.412.460.000</u>	<u>6.271.968.038</u>	<u>356.373.490.000</u>	<u>27.661.280.000</u>	<u>1.669.679.926.861</u>	<u>4.422.399.124.899</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 403/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt là 10% trên vốn điều lệ và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.191.954.780.000	50,45	1.191.954.780.000	50,45
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Các cổ đông khác	233.297.240.000	9,88	233.297.240.000	9,88
	215.329.950.000	9,12	215.329.950.000	9,12
TỔNG CỘNG	2.362.412.460.000	100,00	2.362.412.460.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	236.241.246 236.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	236.241.246 236.241.246

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	236.241.246.000
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021: 1.000 VND/cổ phiếu	236.241.246.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	660.873.610.050	236.590.318.366
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(7.177.400.797)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	660.873.610.050	229.412.917.569
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	236.241.246	230.574.579
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>2.797</i>	<i>995</i>
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	<i>2.797</i>	<i>995</i>

(*) Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Số 403/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022.

Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.469.664.041.944	688.789.612.634

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.324.749.485	1.127.253.569
Chênh lệch tỷ giá	253.148.437	1.674.621.427
TỔNG CỘNG	3.577.897.922	2.801.874.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí khấu hao	298.319.526.286	168.459.981.429
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	161.192.331.451	100.095.356.879
Chi phí lương	31.158.213.067	17.693.902.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.376.049.899	2.134.827.058
Chi phí khác	5.696.936.453	2.372.265.911
TỔNG CỘNG	<u>499.743.057.156</u>	<u>290.756.333.400</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	208.513.455.204	109.767.491.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.708.890.267	17.761.998
Khác	496.705.974	298.352.987
TỔNG CỘNG	<u>220.719.051.445</u>	<u>110.083.606.135</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lương	18.798.130.166	9.416.852.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.357.988.092	1.159.694.278
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	426.876.021	-
Chi phí vật liệu quản lý	401.823.788	178.429.316
Thuế, phí và lệ phí	327.809.072	304.068.828
Chi phí khấu hao	278.409.722	223.811.844
Khác	3.146.241.384	2.803.785.986
TỔNG CỘNG	<u>25.737.278.245</u>	<u>14.086.642.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí khấu hao	298.582.254.185	168.683.793.273
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	161.192.331.451	100.095.356.879
Chi phí lương	48.674.154.116	26.000.231.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.236.042.496	2.545.461.492
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.070.549.282	1.021.728.341
Chi phí khác	11.725.003.871	6.496.405.134
TỔNG CỘNG	<u>525.480.335.401</u>	<u>304.842.976.159</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>65.733.415.825</u>	<u>40.070.488.625</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	726.607.025.875	276.660.806.991
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	145.321.405.175	55.332.161.398
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	263.716.633	3.067.596.943
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ chuyển sang các năm sau	1.550.596	-
Thuế TNDN được miễn	(79.783.453.108)	(18.308.046.073)
Khác	(69.803.471)	(21.223.643)
Chi phí thuế TNDN	65.733.415.825	40.070.488.625

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.141.637.010	1.141.637.010		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám Đốc - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng
Ông Trần Công Đàm	Giám đốc Chi nhánh
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	1.469.664.041.944	688.789.612.634
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Chia cổ tức	119.195.478.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Lãi trái phiếu Lãi vay	20.733.019.178 215.178.082	22.075.820.362 13.778.447.489
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Lãi trái phiếu	8.632.186.302	10.080.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ	Lãi vay	-	641.095.890

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	<u>402.833.931.621</u>	<u>482.861.910.294</u>
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay	<u>-</u>	<u>33.000.000.000</u>
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Phát hành trái phiếu	<u>460.000.000.000</u>	<u>460.000.000.000</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Phát hành trái phiếu	<u>184.000.000.000</u>	<u>192.000.000.000</u>
			<u>644.000.000.000</u>	<u>652.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các nhân viên quản lý khác:

		VND	
	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thu nhập của Hội đồng quản trị		826.210.597	740.520.000
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch	597.520.597	522.720.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	76.230.000	72.600.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	76.230.000	72.600.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	76.230.000	72.600.000
Thu nhập Ban Kiểm soát		518.994.000	422.532.000
Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban	397.026.000	316.932.000
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	60.984.000	52.800.000
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	60.984.000	52.800.000
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc		1.346.980.000	904.720.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	552.930.000	526.600.000
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc	397.025.000	378.120.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	397.025.000	-
TỔNG CỘNG		<u>2.692.184.597</u>	<u>2.067.772.000</u>

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC VỤ KIẾN TỤNG

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện lại Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G") do đơn phương chấm dứt hợp đồng tại VIAC.

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G đã đưa ra phản tố và yêu cầu Công ty bồi thường chi phí vụ kiện với tổng số tiền 1 triệu USD ("Phản tố 1").

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty đã gửi thông báo rút đơn kiện.

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Yêu cầu phản tố sửa đổi bổ sung ("Phản tố 2").

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Hội đồng Trọng tài ("HĐTT") ra phán quyết về thẩm quyền như sau:

- Phản tố 1 đề ngày 5 tháng 7 năm 2019 thuộc thẩm quyền của HĐTT; và
- Phản tố 2 đề ngày 28 tháng 11 năm 2019 không thuộc thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại lên Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại và yêu cầu Tòa án bác bỏ thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2020, HĐTT ban hành Lệnh thủ tục số 1 và vào ngày 14 tháng 4 năm 2020, Công ty đã gửi phản đối Lệnh thủ tục số 1 này.

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2020, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Bản tự bảo vệ và yêu cầu phản tố bổ sung.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, TAND Hà Nội ban hành Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN, công nhận Hội đồng Trọng tài 76/19 HCM có quyền tiếp tục vụ kiện.

Vào ngày 7 tháng 9 năm 2020, Công ty đã tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lên TAND Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, Công ty đã gửi đến TAND Thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát Nhân dân ("VKSND") Thành phố Hà Nội văn bản đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020, TAND Hà Nội có văn bản giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2020, Công ty đã gửi đến HĐTT văn bản không công nhận quyền tài phán của HĐTT.

Vào ngày 7 tháng 1 năm 2021, HĐTT quyết định phiên điều trần được tái dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 23 tháng 8 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Vào ngày 2 tháng 8 năm 2021, HĐTT gửi thông báo phiên điều trần sẽ được tổ chức từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 19 tháng 8 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC VỤ KIẾN TỤNG (tiếp theo)

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Tỉnh Bình Định

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Viện thiết kế Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("tổ hợp nhà thầu") phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 2.320.959.156.044 VNĐ tại TAND Tỉnh Bình Định.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, vụ kiện đã được TAND Tỉnh Bình Định thụ lý.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Tòa Bình Định gửi thông báo nộp lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp. VSH đã nộp.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2021, Công ty gửi đến TAND Tỉnh Bình Định bản ý kiến bác bỏ Văn bản ý kiến đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng điều hành Kon Tum và văn bản ý kiến đề ngày 18 tháng 1 năm 2021 của đại diện Tổ hợp nhà thầu.

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2021, gửi Tòa án Bản ý kiến bác bỏ dự định đình chỉ vụ kiện của tòa.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2022, tòa án có Giấy triệu tập số 3631/GTT để triệu tập Công ty đến Tòa làm việc về vụ kiện. Công ty đã liên hệ và làm việc với Tòa Bình Định về sự việc này.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, TAND tỉnh Bình Định đang thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp và gửi các thông báo, văn bản tố tụng đến các bị đơn.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến TAND Thành phố Hà Nội để yêu cầu TAND buộc Tổng Công ty Bảo hiểm PVI phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 43.150.320.450 VNĐ.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2021, vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội thụ lý.

Vào ngày 26 tháng 1 năm 2021, chuẩn bị 1 bộ hồ sơ tương tự bộ đã nộp tòa để gửi cho PVI theo yêu cầu của Thư ký tòa án.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

29. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài các sự kiện như đề cập ở Thuyết minh số 28, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022